TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/KDTM-ST
Ngày 15-12-2020
V/v "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiền;

Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Mỹ Nhanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 15 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 04/2020/TLST-KDTM ngày 29 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-KDTM ngày 20 tháng 11 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2020/QĐXXST-KDTM ngày 03 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công Ty trách nhiệm hữu hạn N

Địa chỉ: 4B Cư xá B, đường B, phường 5, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Anh K. Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Tấn L, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: 93 Nguyễn Văn Thủ, phường Đ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1978 (có mặt).

Chị Hồ Cẩm N, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 5, xã Mỹ Thành Nam, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn N (gọi tắt là*

Công ty) anh Nguyễn Tấn L trình bày: Công ty chuyên kinh doanh các sản phẩm vật tư nông nghiệp bao gồm phân bón và thuốc bảo vệ thực vật. Căn cứ vào hợp đồng mua bán, ký gởi hàng hóa số: 1363/2018/HĐMBKG-VTNN-MTV lập ngày 10/8/2018 giữa Công ty với hộ kinh doanh Nguyễn Văn P đại diện là anh Nguyễn Văn P, công ty có bán cho anh Nguyễn Văn P và chị Hồ Cẩm N các sản phẩm vật tư nông nghiệp. Việc bán hàng chủ yếu là hình thức mua hàng trước trả tiền sau. Hàng hóa được nhân viên bán hàng của Công ty giao theo địa chỉ của anh Nguyễn Văn P và chị Hồ Cẩm N. Quá trình giao dịch hai bên có tiến hành đối chiếu để xác nhận nợ. Ngày 05/7/2019 anh Nguyễn Văn P xác nhận còn nợ Công ty số tiền 82.679.571 đồng, sau đó anh P chị N có trả được 4.000.000 đồng, còn nợ lại 78.679.571 đồng anh Pvà N hứa hẹn nhiều lần nhưng không trả. Nay Công ty khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn P và chị Hồ Cẩm N có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty số tiền nợ gốc là 78.679.571 đồng và tiền lãi chậm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tính từ ngày 06/7/2019 cho đến ngày xét xử 15/12/2020 là 11.342.970 đồng, tổng cộng là 90.022.541 đồng, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn P trình bày: Anh là chủ cửa hàng vật tư nông nghiệp với tên hộ kinh doanh Nguyễn Văn P, chị Hồ Cẩm N là vợ anh, anh thừa nhận có ký kết hợp đồng mua bán phân bón số: 1363/2018/HĐMBKG-VTNN-MTV lập ngày 10/8/2018 với Công ty trách nhiệm hữu hạn N và thống nhất có nợ Công ty số tiền gốc là 78.679.571 đồng và tiền lãi chậm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tính từ ngày 06/7/2019 cho đến ngày xét xử là 11.342.970 đồng, tổng cộng là 90.022.541 đồng. Lợi nhuận từ việc kinh doanh anh dùng để cho con ăn học và mua đất để hai vợ chồng cùng làm. Nay anh đồng ý trả cho Công ty tổng số tiền 90.022.541 đồng, nhưng nhưng xin trả hết khoản nợ vào ngày 20/5/2021.

Bị đơn chị Hồ Cẩm N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến phản bác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Hồ Cẩm N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt N.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Công ty trách nhiệm hữu hạn N khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn P và chị Hồ Cẩm N cùng liên đới trả số tiền nợ mua bán vật tư nông nghiệp là 90.022.541 đồng, xét nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn N đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và bị đơn anh Nguyễn Văn P có đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh, các bên đương sự có ký kết hợp đồng mua bán và đều có mục đích lợi nhuận nên Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật kinh doanh thương mại về "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo quy định tại Điều 24 Luật

Thương mại 2005, khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn có nơi cư trú tại huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]Xét yêu cầu trả lãi trên số tiền chậm trả: Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn N với bị đơn anh Nguyễn Văn P thống nhất trả tiền lãi chậm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 mà không theo quy định tại khoản 3.3.2 Điều 3 của hợp đồng mua bán, ký gửi hàng hóa số: 1363/2018/HĐMBKG-VTNN-MTV. Xét yêu cầu này của nguyên đơn là tự nguyện và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Anh Nguyễn Văn P thống nhất có nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn N số tiền gốc là 78.679.571 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 06/7/2019 cho đến ngày xét xử là 11.342.970 đồng, tổng cộng là 90.022.541 đồng và cũng đồng ý trả cho Công ty số tiền này, nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn N yêu cầu anh Nguyễn Văn P trả số tiền 90.022.541 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty buộc chị Hồ Cẩm N cùng chịu trách nhiệm liên đới với anh Nguyễn Văn P trả số tiền nêu trên là có căn cứ. Bởi lẽ, anh Pkhai anh với N là vợ chồng, địa điểm kinh doanh đồng thời cũng là nhà ở chung của anh với chị, anh không nhớ anh với N kết hôn năm nào nhưng con lớn của anh với N năm nay đã 21 tuổi, thời gian anh ký hợp đồng mua bán với Công ty là vào năm 2018, thời điểm này là thời kỳ hôn nhân của anh PN. Hơn nữa lợi nhuận từ việc kinh doanh anh dùng để cho con ăn học và mua đất để hai vợ chồng cùng làm. Xét thấy đây là giao dịch hợp pháp nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình. Khoản 1 Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24,25, và 26 của Luật này hợp pháp*". Khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng trong việc đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình : "*Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình*". Như vậy, đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên buộc N cùng có trách nhiệm liên đới với anh Ptrả cho Công ty số tiền nợ 90.022.541 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4.3] Về thời gian trả nợ: Bị đơn anh Nguyễn Văn P xin trả hết khoản nợ vào ngày 20/5/2021 nhưng không được đại diện theo ủy quyền của Công ty chấp nhận. Xét tại khoản 3.3 Điều 3 của hợp đồng mua bán, ký gởi hàng hóa số: 1363/2018/HĐMBKG-VTNN-MTV lập ngày 10/8/2018 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn N với hộ kinh doanh Nguyễn Văn P đại diện là anh Nguyễn Văn

P quy định: "*Thời hạn thanh toán: Thanh toán ngay khi nhận được hàng (trừ trường hợp trên hóa đơn có ghi ngày đến hạn thanh toán thì ngày thanh toán là ngày đến hạn ghi trên hóa đơn)*". Do đó, yêu cầu xin trả dần của anh Plà không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[5] Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu nguyên đơn, nên anh Pvà N phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 24, 50 và Điều 55 Luật thương mại năm 2005; Điều 25, 27, 30 và Điều 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công Ty trách nhiệm hữu hạn N

Buộc anh Nguyễn Văn P và chị Hồ Cẩm N có trách nhiệm liên

đới trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn N số tiền còn nợ 90.022.541 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn P và chị Hồ Cẩm N phải chịu 4.501.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn N số tiền 3.000.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006057 ngày 29/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Dương Thị Hằng Ni

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Dương Thị Hằng Ni

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Lê Quế Thanh

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày 15 tháng 12 năm 2020.
Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Hiền.
Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

Tiến hành nghị án vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 04/2020/TLST-KDTM ngày 29 tháng 10 năm 2020 về: " Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" giữa:

- *Nguyên đơn*: Công Ty trách nhiệm hữu hạn N

Địa chỉ: 4B Cư xá B, đường B, phường 5, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Anh Kiệt. Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Tấn L, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: 93 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1978 (có mặt).

Chị Hồ Cẩm N, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 5, xã Mỹ Thành Nam, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật[8].

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 24, 50 và Điều 55 Luật thương mại năm 2005; Điều 25, 27, 30 và Điều 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công Ty trách nhiệm hữu hạn N

Buộc anh Nguyễn Văn P và chị Hồ Cẩm N có trách nhiệm liên

đới trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn N số tiền còn nợ 90.022.541 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn P và chị Hồ Cẩm N phải chịu 4.501.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn N số tiền 3.000.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006057 ngày 29/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%)

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 15 tháng 12 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*